TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THÁI NGUYÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DSST.

Ngày: 30/9/2022.

V/v: Tranh chấp tiền chơi phường.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Quang Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hợi.

2. Ông Nguyễn Hồng Thăng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hiếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Ông Lưu Nguyên Vũ.

Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST - DS ngày 23/11/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/QĐXX - ST ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: 1. Ông Dương Văn C, sinh năm 1964 (Có mặt).

Trú tại: Tổ 11, phường P, thành phố T, Thái Nguyên.

2. Bà Bàng Thị T, sinh năm 1965 (Có mặt).

Trú tại: Tổ 11, phường Đ, thành phố T, Thái Nguyên.

- **Bị đơn**: Ông Dương Văn C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961(Ông C, bà S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

HKTT: Tổ 1, thị Trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã T, huyện P, Thái Nguyên.

- **Người làm chứng**: Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1968; trú tại: Tổ 1, thị Trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Đề nghị xét xử vắng mặt vì không liên quan gì đến vụ án).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

- **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, Ông Dương Văn C khai**: Do có mối quan hệ quen biết, nên vợ chồng Ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị S rủ ông chơi phường do Ông C, bà S làm trưởng phường. Ông có tham gia chơi, ban đầu là phường 50.000.000 trên một tháng, phường có lãi, người lấy trước trả lãi cho người lấy sau, gia đình Ông C trực tiếp thu tiền phường bằng tiền mặt và chuyển khoản. Đến ngày 17/8/2018 âm lịch, đến lượt ông lấy tiền phường thì vợ chồng Ông C tuyên bố vỡ phường, không trả tiền phường cho ông. Tổng số tiền phường ông đóng cho Ông C, bà S là 2.200.000.000đ, Ông C với bà S đã trả được cho ông 03 lần, cụ thê:

- Lần 1: Ngày 17/8/2018 trả được 200.000.000đ.

- Lần 2: Ngày 06/10/2018 trả được 200.000.000đ.

- Lần 3: Ngày 23/9/2019 trả được 229.700.000đ.

Số tiền Ông C, bà S còn nợ lại là 1.570.300.000đ. Ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết buộc Ông C, bà S trả ông số tiền trên. Ông không yêu cầu Ông C, bà S phải trả lãi suất đối với số tiền trên.

- **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, Bà Bàng Thị T khai**:

Do có mối quan hệ quen biết, nên vợ chồng Ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị S đã rủ bà chơi phường do Ông C, bà S làm trưởng phường. Bà có tham gia chơi, ban đầu là phường 5.000.000đ, rồi 10.000.000đ; 50.000.000đ; 100.000.000đ. Lúc đầu chơi phường nhỏ sau tăng dần lên, do tin tưởng vào gia đình Ông C nên bà đã chuyển tiền đều đặn cho gia đình ông bằng hình thức tiền

mặt hoặc chuyển khoản. Tổng số tiền bà đã chuyển cho Ông C, bà S là 4.100.000.000đ, Ông C với bà S có trả cho bà được bà 03 lần, cụ thể:

- Ngày 17/8/2018 bà S trả: 200.000.000đ;

- Ngày 06/10/2018 bà S trả: 100.000.000đ;

- Ngày 23/9/2019 bà S trả: 506.570.000đ;

Bà S ửu, Ông C còn nợ lại bà 3.293.430.000đ (Ba tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Đến ngày bà được lấy phường tiếp theo thì Ông C, bà S tuyên bố bị vỡ phường. Bà đã đi lại đòi rất nhiều lần thì Ông C, bà S chỉ khất mà không trả số tiền còn lại cho bà, bà yêu cầu Ông C, bà S phải trả số tiền trên cho bà, bà không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Tại phiên tòa, bà đề nghị hội đồng xét xử trừ đi số tiền mà bà giao cho anh Bình là em trai của bà mã tiền 10.000.000đ (mã ngày 29/7/2018); 100.000.000đ (Mã ngày 28/7/2018); 100.000.000đ (Mã ngày 27/7/2018). Trừ đi số tiền bà đưa cho anh Tuấn Anh là con trai Ông C, bà S mã tiền 100.000.000đ (Mã ngày 26/6/2018); 100.000.000đ (Mã ngày 26/6/2018). Tổng số là 410.000.000đ, bà yêu cầu Ông C, bà S trả cho bà S ố tiền còn lại là 2.883.430.000đ.

Còn đối với số tiền mà bà đã trừ đi trong số tiền khởi kiện Ông C, bà S ửu. Bà S ẽ kiện anh Bình, anh Tuấn Anh bằng một vụ kiện dân sự khác tại Tòa án khi bà thu thập đủ tài liệu, chứng cứ đối với hai người này.

Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành báo gọi Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị S đến Tòa án để tiến hành lập bản tự khai, tham gia phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng Ông C, bà S đều không đến lập bản tự khai và tham gia các phiên họp mà Tòa án đã triệu tập. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm đối với vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Thẩm phán giải quyết vụ án đã tiến hành giao, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ông Dương Văn C và Bà Bàng Thị T. Buộc vợ chồng Ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả tiền phường, cụ thể như sau:

- Ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị S trả cho Ông Dương Văn C số tiền là 1.570.300.000đ (Một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, ba trăm ngàn đồng).

- Ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị S trả cho Bà Bàng Thị T số tiền là 2.883.430.000đ (Hai tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp về tiền chơi phường theo quy định tại Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, vợ chồng Ông C, bà S đều cư trú tại huyện P. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử; niêm yết quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị S, nhưng ông bà vẫn cố tình vắng mặt. Nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Trong vụ án này Ông Dương Văn C, Bà Bàng Thị T là nguyên đơn; Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị S là bị đơn.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện tranh chấp về tiền chơi phường theo quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về tài liệu chứng cứ:

- Do Ông Dương Văn C nộp gồm: 01 đơn khởi kiện dân sự giữa ông Cúc đối với Ông C, bà S ửu; 01 chứng minh nhân dân của ông Cúc (Phô tô công chứng); 01 sổ hộ khẩu của gia đình ông Cúc; 01 biên bản làm việc ngày 12/11/2019 giữa Tòa án nhân dân huyện P với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên (bản phô tô); 04 biên bản làm việc ngày 28/5/2020; 24/7/2019; 20/7/2019; 14/6/2019 của tổ 1, thị Trấn H, huyện P (bản phô tô); 07 tài liệu về việc chơi phường, nộp tiền phường giữa ông Cúc với Ông C, bà S (bản phô tô); 01 giấy chốt tiền phường ngày 26/11/2018 giữa Ông C, bà S với ông Cúc (bản gốc).

- Do Bà Bàng Thị T nộp gồm: 01 đơn khởi kiện dân sự giữa bà T đối với Ông C, bà S ửu; 01 căn cước công dân của bà T (phô tô công chứng); 27 tài liệu về việc chơi phường, nộp tiền phường giữa bà T với Ông C, bà S (bản phô tô); 01 giấy chốt phường ngày 18/8/2018 giữa bà Nguyễn Thị S với Bà Bàng Thị T - Nội dung ghi tổng nợ T 4.100.000.000đ (Được đánh số 01); 02 giấy giao nhận tiền phường ngày 03/7/2016 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi T chơi 01 xuất 10 triệu với Sửu - Cư (Được đánh số 02, 03); 02 giấy giao nhận tiền phường ngày 05/9/2016 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi T chơi 01 xuất 10 triệu với Sửu - Cư hàng tháng nộp 10T (Được đánh số 04, 05); 01 giấy giao nhận tiền phường ngày 29/01/2017 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi Ông C làm trưởng phường, tổng 21 suất = 10T kênh 2T (Được đánh số 6); 01 giấy giao nhận tiền phường ngày 15/12/2017 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi 1 xuất x 50 = 50 triệu (Được đánh số 7); 01 giấy giao nhận tiền phường ngày 17/9/2017 (âm lịch) giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi tổng 13x50 (Được đánh số 8); 01 giấy giao nhận tiền phường

ngày 28/01/2018 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi T Nhân 1= 50 (Được đánh số 9); 01 giấy giao nhận tiền phường ngày 27/3/2018 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi T chơi 01 xuất phường 100T K 20T. Tổng 12 xuất cả chủ (Được đánh số 10); 01 giấy giao nhận tiền phường ngày 09/5/2018 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi phường 50T K12T, tổng 13 xuất, T chơi 3 xuất 150T/1 tháng (Được đánh số 11); 01 giấy giao nhận tiền phường ngày 26/5/2018 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T (Được đánh số 12); 01 giấy giao nhận tiền phường ngày 16/7/2018 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi T chơi 01 xuất (Được đánh số 13); 01 giấy giao nhận tiền phường ngày 18-20/6/2018 giữa bà Nguyễn Thị S, Ông Dương Văn C với Bà Bàng Thị T – Nội dung ghi 15 xuất (Được đánh số 14). Tất cả là bản gốc.

[5]. Nội dung vụ án: Do có mối quan hệ quen biết, nên giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2018, Ông Dương Văn C, Bà Bàng Thị T có chơi các dây phường do Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị S làm trưởng phường. Quá trình chơi phường, Ông Dương Văn C đã nộp cho Ông C, bà S tổng số tiền là 2.200.000.000đ. Sau đó Ông C với bà S đã trả được cho ông 03 lần được 629.000.000đ, số tiền Ông C, bà S còn nợ lại ông Cúc là 1.570.300.000đ (Một tỷ, năm trăm bẩy mươi triệu, ba trăm ngàn đồng).

Cũng với hình thức như vậy, Bà Bàng Thị T đã nộp cho Ông C, bà S số tiền phường là 4.100.000.000đ, Ông C với bà S đã trả cho bà T 03 lần được 806.570.000đ, số tiền còn lại bà S ửu, Ông C còn nợ lại bà 3.293.430.000đ (Ba tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Đến tháng 8/2018 âm lịch, Ông C với bà S tuyên bố vỡ phường và không trả lại tiền phường cho ông Cúc, bà T .

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do ông Cúc, bà T nộp tại Tòa án, xác định việc ông Cúc, bà T nộp tiền cho Ông C với bà S đều có giấy biên nhận tiền của Ông C, bà S đối với ông Cúc, bà T , cụ thể:

- Tài liệu ông Cúc nộp cho Tòa án nhân dân huyện P có 07 tài liệu về việc chơi phường, nộp tiền phường giữa ông Cúc với Ông C, bà S ửu; 01 tài liệu gốc

ghi ngày 26/11/2018 có xác nhận của Ông C, bà S về việc còn nợ tiền phường đối với ông

- Đối với tài liệu do bà T nộp cho Tòa án kèm theo đơn có 14 tài liệu gốc giấy biên nhận Ông C, bà S nhận tiền đóng phường của bà T và các tài liệu bà T gửi tiền cho Ông C, bà S trong quá trình chơi phường.

Do Ông C, bà S không đến Tòa án tiến hành lập bản tự khai và tham gia các phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải do Tòa án tiến hành. Nên Tòa án huyện P đã ra quyết định giám định chữ viết, chữ ký của Ông C, bà S tại các tài liệu do ông Cúc, bà T nộp cho Tòa án, tài liệu gửi đi giám định chữ viết chữ ký gồm:

- 01 giấy chốt tiền phường ngày 26/11/2018 giữa Ông C, bà S với ông Cúc, ký hiệu A1.

- 01 tài liệu có chữ ký của bà S trên biên nhận đề ngày 18/8/2018 với bà T , ký hiệu A2.

- 01 tài liệu có chữ ký của bà S ửu, Ông C trên biên nhận đề ngày 03/7/2016 với bà T , ký hiệu A3.

- 01 tài liệu có chữ ký của bà S ửu, trên biên nhận đề ngày 03/4/2018 với bà T , ký hiệu A4.

- 01 tài liệu có chữ ký của bà S ửu, Ông C trên biên nhận đề ngày 05/9/2016 với bà T , ký hiệu A5.

- 01 tài liệu có chữ ký của bà S ửu, Ông C trên biên nhận đề ngày 27/3/2018 với bà T , ký hiệu A6.

Các tài liệu là mẫu so sánh do Tòa án huyện P tiến hành thu thập gồm:

- Đơn đề nghị kê biên tài sản ngày 18/9/2018 của bà Nguyễn Thị S và Ông Dương Văn C, ký hiệu M1.

- Bản tự khai của Nguyễn Thị S ngày 17/9/2018, ký hiệu M2.

- Bản tự khai của Ông Dương Văn C ngày 17/9/2018, ký hiệu M3.

- Biên bản giao quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 15/11/2018, ký hiệu M4.

- Biên bản giao quyết định phong tỏa tài khoản ngày 21/9/2018, ký hiệu M5.

Tại kết luận giám định số 1061/KL – KTHS ngày 15/7/2022 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, đã kết luận:

- Chữ viết có nội dung: Ngày 26/11/2018....phường trên" trên mẫu cần giám định ký hiệu Al, so với chữ viết trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2. Do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung: Tôi Dương Văn Cư.....1.750.000.000đ" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, so với chữ viết trên mẫu so sánh ký hiệu M3 do cùng một người viết ra.

- Chữ ký chữ viết dưới chữ ký mang tên Nguyễn Thị S trên mẫu cần giám định, ký hiệu A1, A2, A3 (dòng 10, 11- mặt trước, dòng 3, 11, 12 – mặt sau); A6 dòng 5, 8 so với chữ ký, chữ viết dưới chữ ký mang tên Nguyễn Thị S trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M5 do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dưới chữ ký mang tên Dương Văn Cư trên mẫu cần giám định, ký hiệu A1, A3 dòng 17 – Mặt trước, A5 dòng 15 – mặt trước; A6 dòng 6,7 so sánh với chữ ký, chữ viết dưới chữ ký Dương Văn Cư trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M3, M4, M5 do cùng một người ký, viết ra.

Qua các tài liệu chứng cứ do ông Cúc, bà T nộp tại Tòa án, căn cứ vào kết luận giám định số 1061 ngày 15/7/2022 của Công an tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định: Việc ông Cúc, bà T có chơi phường với Ông C, bà S ửu; Ông C, bà S có nhận tiền phường do ông Cúc, bà T nộp. Nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Cúc, bà T . Buộc Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ông Dương Văn C số tiền là 1.570.000.000đ; trả cho Bà Bàng Thị T số tiền là 2.883.430.000đ.

[6]. Về lãi suất: Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Cúc, bà T không yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi suất đối với Ông C, bà S ửu. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận sự tự nguyện này.

[7]. Về chi phí cho việc giám định giám định: Tại phiên tòa ông Cúc, bà T không yêu cầu Ông C, bà S trả cho ông bà S ố tiền đã chi phí cho việc giám định. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận sự tự nguyện này.

[8]. Về án phí: Buộc Ông C, bà S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho ông Cúc, bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

[9]. Đối với số tiền 410.000.000đ mà bà T tự nguyện trừ ra khỏi số tiền mà Ông C, bà S nợ tiền phường đối với bà. Do bà giao tiền cho anh Tuấn Anh (con trai Ông C, bà S nhận thay và anh Bình em trai của bà). Hội đồng xác định đây là sự nguyện của bà T nên chấp nhận sự tự nguyện này, khi nào bà T có tài liệu, chứng cứ về việc anh Bình, anh Tuấn Anh đã nhận tiền của bà thì bà S ẽ kiện các anh bằng một vụ án dân sự khác tại Tòa án.

[10]. Ngày 15/9/2022, bà Nguyễn Thị T ; trú tại: Tổ 1, thị Trấn H, huyện P có bản tự khai tại Tòa án, bà xác định có được chơi phường với Ông C, bà S ửu. Nhưng bà không biết Ông Dương Văn C, Bà Bàng Thị T là ai và cũng chưa bao giờ nhận tiền phường của ông Cúc, bà T . Bà xác định không liên quan gì đến vụ án ông Cúc, bà T kiện Ông C, bà S tại Tòa án nhân dân huyện P.

[11]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng điều luật: Căn cứ vào các điều 26, 35, 147, 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 2 Điều 357, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, Hụi, Biêu, Phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Dương Văn C, Bà Bàng Thị T. Buộc Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả số tiền phường còn nợ lại, cụ thể:

- Ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị S trả cho Ông Dương Văn C số tiền là 1.570.300.000đ (Một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, ba trăm ngàn đồng).

Ông Dương Văn C và bà Nguyễn Thị S trả cho Bà Bàng Thị T số tiền là 2.883.430.000đ (Hai tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Cúc, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông C, bà S không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị S phải nộp 112.453.730đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả Ông Dương Văn C số tiền 29.550.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002629 ngày 23/11/2021); Hoàn trả Bà Bàng Thị T số tiền 48.934.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P (biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002628 ngày 23/11/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Cúc, bà T ; vắng mặt Ông C, bà S ửu. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với ông Cúc, bà S. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày Ông C, bà S nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã T, huyện P.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- THA DS huyện P;

- UBND xã T;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

Phạm Quang Thái